

TINH THẦN PHÁP HOA TRONG VĂN KHẮC HÁN NÔM THỜI LÝ

MAI THỊ THƠM

I. GIỚI THIỆU CHUNG

Pháp Hoa là một trong những bộ kinh thuộc hệ Đại thừa, được Đức Thích Ca Mâu Ni thuyết giảng ở núi Linh Thứu, thuộc thành Vương Xá nước Ma Kiệt Đà. Tên gọi đầy đủ là *Diệu pháp Liên hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm*. Bộ kinh này gồm hai mươi tám phẩm, mở đầu là phẩm *Tựa*, kết thúc là phẩm *Phổ Hiền Bồ tát khuyến phát*. Nội dung kinh nói lên sức từ bi trí tuệ của Phật, sau khi dùng phương tiện thuyết giảng các pháp Tứ đế, Thập nhị nhân duyên, Lục độ, v.v... để dắt dẫn các hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát hướng đến Niết Bàn, Đức Phật chỉ rõ pháp Nhất thừa, hay còn gọi là Phật thừa để độ thoát tứ chúng, khiến mọi người đạt được Vô thượng Chánh đẳng chánh giác của Như Lai. Và đó mới là cứu cánh của người học Phật.

Pháp Hoa là bộ kinh mà chư Phật ba đời mười phương đều thuyết giảng trước khi nhập Niết Bàn. Đó là mẹ của các Đức Phật quá khứ, hiện tại, vị lai; là vua của các kinh điển. Chính vì thế, kinh *Pháp Hoa* luôn được chư Phật, Bồ tát, Thiên Long Hộ pháp bảo hộ, công đức của kinh điển này vô lượng, vô biên không gì sánh được.

Diệu Pháp Liên Hoa thông thường có hai cách giải thích: một là, Diệu pháp là nhân quả của đạo Nhất thừa; Liên hoa là thí dụ, bởi vì cánh sen và hạt sen đồng thời tồn tại nên biểu trưng cho nhân quả cùng lúc (*Pháp Hoa Quang Trạch sở*); Hai là, Diệu pháp là quyền pháp và thực pháp của mười giới mười như. Mười như của chín giới là quyền, mười như của Phật giới là thực, pháp quyền thực này đều là thực tướng, nên gọi là diệu; Liên hoa ví như mối quan hệ giữa quyền và thực, cánh sen là quyền, hạt sen là thực, từ khi thành đạo đến khi nói kinh *Pháp Hoa*, Đức Phật chỉ nói quyền pháp, giờ mới nói thực pháp, như cánh sen nở ra vì hạt sen (theo Thiên Thai tông).

Diệu pháp liên hoa kinh do Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch ra tiếng Trung Quốc thời Diêu Tần, đến khi Trí Khải đại sư thành lập phái Thiên Thai, lấy kinh *Pháp Hoa* làm chủ đạo. Từ đó về sau, Diệu pháp Liên hoa kinh trở thành bộ kinh tụng hằng ngày của Phật tử Trung Hoa.

Ở Việt Nam, kinh *Pháp Hoa* được truyền vào từ rất sớm. Theo tư liệu hiện có, có thể được truyền vào từ thời Hùng Vương, cụ thể là hình ảnh “Hoá thành” của vợ chồng Chử Đồng Tử và Tiên Dung.

Sau này, Chi Cương Lương Tiếp sống ở Việt Nam khoảng năm 256 đã dịch bộ *Pháp Hoa tam muội*, và trong 6 lá thư trao đổi giữa Đạo Cao, Pháp Minh và Lý Miếu thuộc thế kỉ IV và V, Đạo Cao đã nhiều lần trích dẫn kinh *Pháp Hoa*, cụ thể là phẩm *Như Lai thọ lượng*, *Hoá thành dụ*, v.v... Tiếp nối tinh thần đạo Pháp của người xưa, các Thiền phái Pháp Vân, Kiến Sơ ở Việt Nam vẫn luôn vận dụng tư tưởng trong kinh *Pháp Hoa* cho việc hoằng hoá của mình. Điều này đã được các nhà nghiên cứu Phật giáo Việt Nam như Lê Mạnh Thát, Nguyễn Lang, v.v... thừa nhận. Và cho đến nay, kinh *Pháp Hoa* vẫn là một trong những bộ kinh được chú trọng ni Phật tử trì tụng hàng ngày.

Thời Lý được coi là thời thịnh vượng của Phật giáo, đúng hơn là của Thiền Phật giáo. Có đến ba thiền phái cùng hoằng dương trên đất Đại Việt: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, và Thảo Đường. Song dù Thiền là tư tưởng chính của Phật giáo thời Lý, nhưng với đặc điểm “Giao Châu” - nơi giao thoa dung hợp của mọi tư tưởng, mọi nền văn hoá, Thiền phái Việt nam đã dung nạp các yếu tố: Tịnh, Mật, Giáo, trong đó đặc biệt là tư tưởng *Pháp Hoa* của Giáo tông.

Tuy các nhà nghiên cứu đều thừa nhận sự ảnh hưởng lớn lao của kinh *Pháp Hoa* trong tư tưởng Phật giáo Việt Nam, nhưng vì như trên đã nói, thời Lý là thời thịnh của Thiền Phật giáo, nên hầu hết đều nhấn mạnh đến tư tưởng Thiền, đặc biệt là các bộ kinh liên quan trực tiếp, mật thiết với Thiền như *Bát Nhã*, *Kim Cương*..., mà ít đề cập một cách trọn vẹn, cụ thể tư tưởng *Pháp Hoa* trong Phật giáo thời Lý.

Với tinh thần góp thêm một viên gạch nhỏ cho công trình nghiên cứu tái hiện toàn bộ ngôi nhà Phật giáo thời Lý, bài viết trình bày tinh thần *Pháp Hoa* trong văn khắc Hán Nôm thời Lý dưới hai góc độ chính: Một là, quan hệ giữa *Pháp Hoa* với tinh thần Thiền học; Hai là, những thể hiện cụ thể của tinh thần *Pháp Hoa*: Phật trong kinh *Pháp Hoa*; Thí dụ trong kinh *Pháp Hoa*; Tư tưởng trong kinh *Pháp Hoa*, nhằm cung cấp cho độc giả một cái nhìn tương đối cụ thể về tinh thần *Pháp Hoa*, sự ảnh hưởng của nó đối với đời sống văn hoá tín ngưỡng của Phật tử thời kì này.

II. QUAN HỆ GIỮA *PHÁP HOA* VÀ TINH THẦN THIỀN HỌC

Như trên đã nói, thời Lý là thời thịnh vượng của Thiền Phật giáo. Tinh thần Thiền tuy là “Giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự”, nhưng Thiền tông ở Việt Nam lại có những nét khác biệt với Thiền Ấn Độ hoặc Thiền Trung Hoa, trong đó điểm khác biệt nổi bật nhất là sự giao thoa dung hợp tư tưởng các tông phái khác trong Phật giáo. Các Thiền sư không chỉ có tham thiền, mà còn tụng kinh, niệm Phật, trì chú. Và một trong những kinh điển được các Thiền viện trì tụng nhiều nhất là kinh *Pháp Hoa*.

Ngoài tinh thần là vua của các kinh điển Phật giáo, *Pháp Hoa* có nhiều điểm đáng được vận dụng vào trong đời sống Thiền viện:

Một là, *Pháp Hoa* có liên hệ chặt chẽ với phương pháp Thiền định An ban mà Khương Tăng Hội đã xiển dương mạnh mẽ qua việc chú giải *An ban thủ ý kinh*, trong đó ông đã nêu ra lục diệu pháp môn: tức, sở, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh. Lục diệu pháp môn này lại được Trí Khải

đại sư viết thành tác phẩm *Lục diệu pháp môn*. Chi Cương Lương Tiếp dịch *Pháp Hoa tam muội*, mà Tam muội có nghĩa là Thiền định, cũng thuộc phương pháp tu học của các Thiền giả. Đọc kinh *Pháp Hoa*, có thể tìm thấy rất nhiều Tam muội mà người trì tụng *Pháp Hoa* có thể chứng đắc: Diệu tràng tướng tam muội, Pháp Hoa tam muội, Tịnh đức tam muội, Trí ấn tam muội, v.v... (Kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Diệu âm Bồ tát*)

Hai là, trong kinh *Pháp Hoa*, phẩm *Phương tiện*, Phật dạy người tu học các pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều thành Phật đạo. Người dựng tháp cúng dường sau khi Phật nhập Niết Bàn, người tạo tượng Phật, đánh trống, thổi nhạc, thổi tiêu, ca ngâm một bài kệ kinh *Pháp Hoa* đều thành Phật đạo; người cúng hoa hương, lễ lạy, chấp tay, cúi đầu trước tượng Phật đều thành Phật đạo; người xưng Nam mô Phật, người nghe *Pháp Hoa* đều thành Phật đạo, v.v...

Nói chung, ở *Pháp Hoa* có cả phương pháp niệm Phật (như niệm danh hiệu Bồ tát Quan Thế Âm trong phẩm *Phổ môn*), phương pháp trì tụng Đà la ni (trong phẩm *Đà la ni*), phương pháp Thiền định (như việc nhập các Tam muội trước và sau khi diễn nói kinh điển trong *Pháp Hoa*), và mọi việc tu học khác. Mà tinh thần Thiền học thì “Vận thủy ban sài” đều là việc tu thiền, ngộ đạo, đói ăn khát uống là thiền, đi đứng nằm ngồi đều có thể hành thiền, đạt đạo. Tóm lại, việc “Trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật” được thực hiện ngay trong cuộc sống thường nhật, trong mọi hành động tụng kinh, niệm Phật, trì chú, thiền định,... Với tinh thần “Nhất thiết pháp tức thị Phật pháp”, Thiền và *Pháp Hoa* đã gặp nhau.

Ba là, trong kinh *Pháp Hoa* có câu: “Phật vì một đại sự nhân duyên mà thị hiện ở đời, đó là khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến”, mục đích của việc mở ra phương tiện giảng thuyết kinh điển, chỉ dạy các pháp là để chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật; mục đích cuối cùng của người học Thiền cũng là để “Kiến tính thành Phật”, đạt trí tuệ Bát nhã, tri kiến Phật, thấy được Phật tính tự nơi mình, mình và Phật là một.

Một điểm đáng chú ý nữa cho sự dung hợp giữa Thiền và *Pháp Hoa*, đó là kinh *Pháp Hoa* là bộ kinh tuy được Đức Phật Thích Ca giảng ở núi Linh Thứu thuộc thành Vương Xá, nước Ma Kiệt Đà cách đây hơn 2.500 năm, nhưng thời gian và không gian ở kinh *Pháp Hoa* là một. Ở đó, mười phương chư Phật ba đời đều tựu về, chúng sinh khắp các cõi trời người, lục thú đều có mặt, và đều là người có tín căn đầy đủ, có thể chứng thành Phật đạo, không phân biệt đâu là cõi Ta bà, đâu là cõi Phật, tất cả là một, không sai khác.

Còn tinh thần Thiền của Tì Ni Đa Lưu Chi là: “Tâm ấn chư Phật tròn đồng thái hư, không thiếu không dư, không đi không đến, không được không mất, chẳng một chẳng khác, chẳng thường chẳng đoạn, vốn không chỗ sinh, cũng không chỗ diệt, cũng chẳng rời xa, chẳng không rời xa”; của Vô Ngôn Thông là: “Tây Thiên đất này, đất này Tây Thiên”. Thời gian và không gian của *Pháp Hoa*, của Thiền là một.

Có thể nói, trên tinh thần *Pháp Hoa*, trên tinh thần Thiền học, Phật tử thời Lý đã có thể ung dung tự tại đi vào cuộc đời, tham gia mọi việc của đời sống dân tộc đạo pháp, từ việc tự tu, tự học, hoằng

truyền chính pháp đến việc tham gia chính sự, đắp cầu làm đường, xây chùa dựng tháp, tạc tượng đúc chuông, trị bệnh cứu tế... mà vẫn đạt đạo chứng thiền. Và điều này thể hiện khá rõ trong văn khắc Hán Nôm thời Lý. Sau đây xin đi vào những hình ảnh cụ thể về tinh thần *Pháp Hoa* trong văn khắc đó.

III. NHỮNG HÌNH ẢNH CỤ THỂ VỀ TINH THẦN *PHÁP HOA* TRONG VĂN KHẮC HÁN NÔM THỜI LÝ

Thông thường, tinh thần của một kinh điển nào đó thể hiện trong một thời kì lịch sử thuộc một lãnh thổ nào đó chủ yếu là ở phần nội dung tư tưởng của nó. Những bài kệ của các Thiền sư thời Lý thể hiện tinh thần *Bát nhã, Hoa nghiêm* qua tư tưởng sắc không, duyên sinh, v.v... nhưng tinh thần *Pháp Hoa* thể hiện trong văn khắc Hán Nôm thời Lý lại rất đặc biệt, có cả hình ảnh của Đức Phật thuyết giảng, chứng minh kinh điển này, nơi thuyết pháp, người tu học hành trì và những công đức đạt được khi hành trì; có cả những thí dụ mà Phật và chư đệ tử tham dự buổi thuyết pháp dẫn dụ để làm sáng tỏ nghĩa lí kinh điển, và cuối cùng là tư tưởng chính của kinh *Pháp Hoa*. Điều đó đủ chứng minh tầm quan trọng của kinh *Pháp Hoa* đối với Phật giáo Việt Nam, mà học giả Lê Mạnh Thát đã khẳng định: “Kinh *Pháp Hoa* và *Pháp Hoa* tam muội như vậy có một vị thế rất xung yếu trong lịch sử tư tưởng giai đoạn đầu của Phật giáo tại nước ta”.

1. Phật trong kinh *Pháp Hoa*

Theo phong cách Lục chủng thành tựu làm chứng tín cho một bộ kinh, kinh *Pháp Hoa* được thể hiện trong văn khắc Hán Nôm thời Lý đã có đến năm yếu tố quan trọng:

Một là, Đức Phật nói kinh, tức là Đức Thích Ca Mâu Ni, hầu hết các chùa Phật thời Lý đều thờ Đức Thích Ca mà trong văn bia hay gọi là Kim Dung, hoặc là Năng Nhân (như văn bia chùa Báo Ân núi An Hoạch, chùa Viên Quang, chùa Bảo Ninh Sùng Phúc,...), có khi Đức Thích Ca được phối thờ với Ca Diếp, Di Lặc tạo nên hình ảnh Tam thế Phật (văn bia chùa Sùng Nghiêm Diên Thánh), có khi Đức Thích Ca được phối thờ với các Bồ tát (như văn bia chùa Linh Xứng), v.v...

Hai là, nơi nói Kinh, không phải ngẫu nhiên mà trong văn khắc Hán Nôm thời Lý lại thường nhắc đến núi Linh Thứu, thành Vương Xá - nơi bộ kinh *Pháp Hoa* được thuyết giảng: “Khởi mô tượng thất, tức mô thứu phong” (Thiên Phúc tự hồng chung minh văn), “Sư phục lịch Lô giang thượng tổ, trác Thứu đài sơn” (văn bia chùa Hương Nghiêm), “Thứu đài trung xướng” (Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh), “Bỉ trưởng giả huỷ trạch nhi Vương Xá đại thành” (văn bia chùa Linh Xứng). Cuộc đời hoàng hóa của Đức Phật suốt 49 năm trên khắp cõi Ấn Độ, đâu chỉ có núi Linh Thứu, thành Vương Xá, nếu nói đến những nơi quan trọng thì nơi bán xe chính pháp được chuyển đầu tiên là vườn Lộc Uyển, nơi Phật độ người đệ tử cuối cùng để rồi vào Niết Bàn là rừng Ta la,... phải được nhắc đến để đánh dấu sự ra đời của đạo Phật và nơi thu thần nhập tịch của Phật.

Ba là, người nghe pháp, có thể nói, hình ảnh Đức Phật, Bồ tát thờ trong các chùa Phật thời Lý phần lớn là hình ảnh của chư vị trong pháp hội *Pháp Hoa*: Đức Di Lặc được nhắc đến ở trên chính là người đã nghi ngờ và hỏi Bồ tát Văn Thù Sư Lợi về tướng lạ sau khi Phật Thích Ca giảng xong kinh *Vô lượng nghĩa xứ*

giáo bồ tát pháp Phật sở hộ niệm, chuẩn bị cho việc thuyết giảng kinh *Pháp Hoa* ở phẩm *Tựa*; Đức Dược Vương, Đức Quan Thế Âm là hai vị Bồ tát trong các phẩm *Dược vương*, *Phổ môn*; Văn Thù, Phổ Hiền là hai Bồ tát ở phẩm mở đầu và phẩm cuối cùng của kinh *Pháp Hoa*...

Bốn là, người thọ trì kinh *Pháp Hoa* sau khi nghe Phật giảng và những công đức chứng đạt của việc hành trì kinh. Trong *Thiên Phúc tự hồng chung bi minh* ghi lại câu chuyện Thiền sư Từ Đạo Hạnh trì tụng kinh *Pháp Hoa* và những hình ảnh thể hiện sự chứng đắc *Pháp Hoa* trong thời gian Thiền sư trụ tích ở núi Phật Tích thuộc tỉnh Hà Tây cũ (nay thuộc Hà Nội):

“Sư ở chùa hơn tuần, mọi việc đều cảm ứng, hỏ dữ đến phục, dã thú theo lời, đang đêm trì tụng kinh *Pháp Hoa*, trời mưa hoa đánh trống, sáu phương mười cõi, ân huệ bao trùm, tiếng lành đồn xa, người trong nước từ vương tử trở xuống, đem hương hoa đến dâng lễ,...).

Thiên uyển tập anh cũng nói đến sự kiện Thiền sư Từ Đạo Hạnh sau khi chuyên trì tụng chú Đại bi, tức là chú của Bồ tát Quan Thế Âm trong kinh *Pháp Hoa*, công đức được thành tựu, báo thù cha, đem công đức đó cứu chữa bệnh cho dân lành,...

Điều đặc biệt nhất và cũng là chứng tích rõ ràng nhất cho tinh thần *Pháp Hoa* trong Phật giáo thời Lý là hình ảnh Đức Đa Bảo Như Lai cùng với Tháp miếu của Ngài nổi lên để nghe kinh *Pháp Hoa*, chứng minh cho công đức vô lượng của người thuyết giảng kinh *Pháp Hoa*, chứng minh cho sự vĩ đại của kinh *Pháp Hoa* theo lời nguyện của Đức Đa Bảo trước khi nhập tịch trong phẩm *Hiện bảo*

tháp thứ mười một của bộ kinh này. Trong đó, còn có hình ảnh Đức Đa Bảo chia nửa toà ngai cho Đức Thích Ca sau khi tháp miếu được mở ra vì đại chúng.

Ở Việt Nam, việc xây tháp cúng dường xá lợi Phật là việc thường thấy trong Phật giáo, nhưng ở thời Lý, các tháp miếu phần lớn là tháp thờ Đức Đa Bảo. Nếu kinh *Pháp Hoa* không ảnh hưởng lớn đến tinh thần Phật giáo thời này thì còn có nguyên nhân gì khác chăng? Văn bia chùa Hương Nghiêm, núi Càn Ni ghi nhận việc xây tháp thờ Đức Đa Bảo song song với việc tu sửa lại chùa Hương Nghiêm của Thiền sư Đạo Dung: “Bàn đà thạch thượng, kim tướng nghiêm nhiên; tốt đồ ba trung, toàn thân Đa Bảo”; Văn bia tháp Sùng Thiện Diên Linh lại ghi rõ hình ảnh câu chuyện trên: “... Kì trung tọa Đa Bảo Như Lai chi thụ tượng dã, hoằng thâm nguyện lực, ninh dẫn toàn thân; thính Liên kệ nhi tất sậu linh uy, dữ Ca Văn nhi bán phân dao tọa”.

2. Thí dụ trong kinh *Pháp Hoa*

Một phong cách thuyết giảng rất đặc biệt của Phật giáo Ấn Độ là thường nêu những thí dụ cụ thể để làm sáng tỏ chủ thuyết đã được trình bày. Phong cách này về sau ảnh hưởng rất lớn đến văn hoá Trung Quốc, đặc biệt là trong văn học. Đại Việt - vùng đất nằm giữa hai nền văn hoá lớn ở Phương Đông, đương nhiên không thể không ảnh hưởng bởi phong cách này. Vì thế, nếu kinh *Pháp Hoa* được truyền bá rộng rãi, được hàng tứ chúng tại gia xuất gia thọ trì tụng đọc, thì những thí dụ được coi là quan trọng trong kinh *Pháp Hoa* như “Nhà lửa ba xe”, “Tam thảo nhất vũ”, “Hóa thành”, “Hạt châu trong áo”, “Gả cùng tử”, v.v... không thể không ảnh hưởng đến văn học viết, nhất là văn khắc. Sau đây,

xin lần lượt nêu lên những thí dụ trong kinh *Pháp Hoa* thể hiện ở văn khắc Hán Nôm thời Lý:

Thứ nhất, thí dụ “Nhà lửa” và “Ba xe” trong phẩm *Thí dụ*. Đức Phật ra đời, giáo pháp được truyền bá rộng rãi khắp mọi nơi, hàng tứ chúng vân du hoá độ,... tất cả chỉ vì một đại sự nhân duyên: *khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến*. Nhưng vì căn tính chúng sinh có lợi độn khác nhau, nên Phật phương tiện nói pháp Tam thừa, khiến chúng giải thoát khỏi nhà lửa ba cõi, sau cùng đưa chúng vào giáo pháp Nhất thừa, để chúng được thành tựu Vô thượng chính đẳng giác.

Hoà nhập với tinh thần chung đó, đạo Phật ở Đại Việt cũng làm tròn trách nhiệm thương xót chúng sinh: “Tam giới luân hồi, tứ sinh trì trụ, vọng niệm sở sinh, sắc tâm điên phú, thượng tứ tham sân, suất triển ái dục, khởi tự hoàn an, vô năng yếm tức” (văn bia chùa Linh Xứng), dẫn thân vào ngôi nhà lửa tam giới, bày ra phương tiện: ngôi thiền, tụng kinh, trì chú, niệm Phật, bố thí, cúng dường, xây chùa, tạo tượng,... để chúng sinh biết tu điều thiện, lánh điều ác, dần tạo phúc tuệ, kiến tính thành Phật.

Ví như Trưởng giả giàu có vì cứu các con ra khỏi nhà lửa mà bày ra ba xe: xe dê, xe hươu, xe trâu ở đồng trống. Khi các con đều được an toàn, Trưởng giả bèn cho một loại xe trâu trắng trang sức lông lẫy. Hình ảnh ngôi nhà lửa và ba xe này được khắc nhiều trong văn khắc: “Tam giới chi gian, phương xưng hoả trạch” (văn bia Đạo tràng Bảo An); “Mao nghê quy y, câu phao hoả trạch” (văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc), đầy đủ hơn cả là văn bia chùa Diên Phúc: “Đạo hoả trạch dĩ tam xa, chứng mê phàm dĩ lục độ”.

Thứ hai, thí dụ “Ba loại cỏ” và “Một trận mưa”. Tiếp nối tinh thần dùng ba xe cứu chúng sinh ra khỏi nhà lửa tam giới, kinh *Pháp Hoa* lại đưa ra hình ảnh “Tam thảo nhất vũ” trong phẩm *Dược thảo dụ* thứ năm: “Phật bảo Ca Diếp: Ví như trong cõi tam thiên đại thiên, nơi núi sông khe hang ruộng đồng, đất sinh ra cây cối lùm rừng và các cỏ thuốc, cỏ cây, có thứ gốc nhỏ, thân nhỏ, lá nhỏ; hoặc thứ gốc vừa, thân vừa, lá vừa; hoặc thứ gốc lớn, thân lớn, lá lớn, mây dày bủa giăng trùm khắp và mưa xối xuống, khắp nơi nhuần thấm” để nói lên sức phương tiện độ sinh của Phật, Phật chỉ dùng một âm thanh lớn thuyết giảng giáo pháp, tùy căn cơ lớn nhỏ, chúng sinh đều được nghe, suy nghĩ, tu tập, và đều được giải thoát giác ngộ.

Phật tử thời Lý cũng vậy, tùy theo khả năng hiểu biết của mình, tùy hoàn cảnh sống của mình mà chọn lấy phương pháp tu học thích hợp trong tám vạn bốn ngàn pháp môn của Phật, mục đích cuối cùng là thành Phật. Chính vì thế mà Trưởng lão Sùng Tín - thầy của Thái hậu Linh Nhân đã từ Kinh Sư về đến Cửu Chân, du hoá mọi loài: “Trưởng lão bổng từ Kinh Sư, đến ở quận này, giáo hóa khắp cả, dắt dẫn chúng sinh, ngăn ác giữ thiện, ban một trận mưa, thấm khắp ba cõi, ai mà không vui vẻ!”, “Thể như thái hư, thần hóa khó lường, hóa độ khắp cả, một trận mưa xuống, ba cõi thấm nhuần, cây pháp sinh trưởng, lưới tà đứt hết” (văn bia chùa Linh Xứng); còn Thiên sư “Giác Hải tâm như hải” cũng lại trở về quê hương sau bao năm đạo khắp cõi Ta bà: “Tuyên dương phúc tuệ, ích lợi trời người, ba cõi thấm mưa, hai cây gặp mùa” (văn bia chùa Viên Quang).

Thứ ba, thí dụ “Hóa thành”, công việc hoằng hoá là một công việc lâu dài, khó

khăn, thông thường Phật giáo hay đưa ra sự kiện các Bồ tát trải qua ba A tăng kì kiếp tu học, độ sinh mới có thể thành Phật để nói lên hành trình đầy chông gai này của người hành đạo. Trong hành trình ấy, các ngài đã không ít lần phải giả hiện ra rất nhiều phương tiện, vừa khuyến khích sự tu học của chúng sinh, vừa răn ngừa việc tạo ác, có như vậy tham sân si của chúng mới dần được diệt trừ, đức từ bi, nhân nhục, trí tuệ mới hiển hiện.

Và trong đó có hình ảnh “Hoá thành”, thành quách mà vị đạo sư đã hoá ra để cho đại chúng đang theo ngài được nghỉ ngơi trên con đường đi đến “Bảo sở” (giác ngộ, thành Phật) khi chúng mệt mỏi, hoảng sợ, muốn bỏ dở hành trình sắp đạt đến đích. Và khi biết chúng lấy lại niềm vui, sức lực, còn tham đắm hoá thành đó, đạo sư bèn diệt hoá thành, tiếp tục đưa chúng đến nơi cần đến. Đây là hình ảnh trong phẩm *Hoá thành dụ* của kinh *Pháp Hoa*, được thể hiện trong văn bia Đạo tràng Bảo An: “Phạm ma chi cảnh, do vi hoá thành”.

Thứ tư, thí dụ “Hạt châu trong áo”, “Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành” là câu nói khẳng định Phật tính tồn tại trong mỗi chúng sinh, mỗi chúng sinh là một vị Phật, nhưng vì mãi đắm chìm trong ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thủy, nên chúng sinh thường quên mất ngôi nhà giàu có của mình, cứ mãi lang thang kiếm sống như gã cùng tử, quên mất hạt ngọc quý giá trong áo mà người bạn tốt đã gói vào trong lần gặp gỡ trước, để rồi cứ lẩn lóc mãi, dong ruổi mãi tìm cái ăn cái mặc, tìm được chút ít thì vội cho là đủ, bằng lòng với kiếp ăn xin, thật là: “Y trung vong bảo nhi bất tri” (trong áo có báu mà không biết) (văn

bia tháp Sùng Thiện Diên Linh), “Hoài y lí chi châu, khủng kí dắc nhi thất” (mang châu báu trong áo, sợ được rồi lại mất) (văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc”. Và đây chính là thí dụ “Hạt châu trong áo” trong phẩm *Ngũ bách đệ tử thọ kí* của kinh *Pháp Hoa*.

3. Tư tưởng trong kinh *Pháp Hoa*

Diệu pháp Liên hoa giáo Bồ tát pháp Phật sở hộ niệm là bộ kinh quan trọng trong toàn bộ hệ thống kinh điển của Phật giáo, điều này được ghi nhận rõ trong phẩm *Chúc lụy*:

“Tú Vương Hoa! Thí như trong các dòng nước: sông ngòi kênh rạch, biển là lớn thứ nhất. Cũng thế, trong các kinh của Đức Như Lai, kinh *Pháp Hoa* là sâu mầu nhất; lại như trong các núi non, núi Diệu Cao là bậc nhất, kinh *Pháp Hoa* này cũng thế, ở trong các kinh là bậc thượng, ... như Phật là vua của các pháp, kinh này cũng thế, là vua của các kinh”. Công đức của kinh này rất lớn: “Tú Vương Hoa! Kinh *Pháp Hoa* này có thể cứu tất cả chúng sinh, làm cho chúng xa rời khổ não, lợi ích cho tất cả chúng sinh, thoả mãn chỗ mong cầu của chúng, như ao nước trong mát làm thoả mãn cơn khát cho mọi người, như kẻ lạnh được lửa, kẻ trần truồng được y phục, người buồn gặp chủ, như con gặp mẹ, v.v...”.

Chính vì thế, thời nào, ở đâu, *Pháp Hoa* luôn được Phật tử hành trì, đọc tụng, biên chép, giảng dạy. Phật tử ở nước Đại Việt thời Lý cũng vậy, chăm lo tu học, hoàng bá kinh *Pháp Hoa*.

Thứ nhất, tư tưởng chính của kinh *Pháp Hoa* là “Thâu quyền hiển thật” (Thu lại quyền pháp, hiển hiện thật pháp)

Từ xưa đến nay, chư Phật ba đời mười phương vì thương xót chúng sinh “Tam

giới luân hồi, tứ sinh trì trụ, vọng niệm sở sinh, sắc tâm điên phú, thượng tứ tham sân, suất triển ái dục, khởi tự hoàn an, vô năng yếm túc” (văn bia chùa Linh Xứng), chúng sinh mãi chìm trong sắc thanh hương vị xúc, phóng túng theo tham sân si, đắm chìm trong biển ái dục, vui chơi trong nhà lửa tam giới, luân hồi sinh tử, khổ đau trước mắt mà không thấy nhàm chán, chấp có, chấp không, chấp thường, chấp đoạn, chạy theo huyền cảnh, quên mất bản tính chân thật của mình, cho nên:

“Đức Phật tổ xưa, trí tuệ của người xem xét tất cả, không sót một ai, người giấu cái thực, hiện rõ cái quyền, để dạy bảo cái đạo thường lạc, từ cái không đi vào cái có, để giúp cho sự hồi hướng giải thoát đời đời, khéo mở ra muôn vạn pháp môn, để dạy bảo muôn ngàn thế giới” (Văn bia chùa Bảo Ninh Sùng Phúc).

Giờ đây, khi chúng sinh căn tính thuần thực, có thể hiểu được pháp sâu mầu, Đức Thích Ca noi theo chư Phật, giảng kinh *Pháp Hoa*, thâm quyền hiển thật, tức là chỉ cho chúng sinh thấy được tri kiến Phật, chứng Nhất thiết chủng trí.

Thứ hai, tư tưởng nữa của *Pháp Hoa* là “Tương tam quy nhất” (Đưa Ba thừa: Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát về Nhất thừa).

Sau khi Tôn giả Xá Lợi Phất ba phen thừa thỉnh Đức Phật nói kinh *Pháp Hoa*, Đức Phật bảo:

“Xá Lợi Phất! Các Đức Phật hiện ra trong đời ác năm trước, lúc kiếp loạn trước, chúng sinh nhơ nặng, bần sần, tham lam, ghen ghét, tạo nên các căn chẳng lành, cho nên các Đức Phật dùng sức phương tiện, nơi một Phật thừa, phân biệt nói thành ba...”, giờ đây, trong hội

chúng *Pháp Hoa* chỉ còn có hàng thượng căn, đã đến lúc Như Lai phải đưa ba thừa về một thừa: “Xá lợi Phất! Đức Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh nói pháp, không có các thừa hoặc hai hoặc ba khác”.

Tinh thần *Pháp Hoa* thấm đẫm trong đời sống thường nhật của Phật tử thời Lý, ta thấy trong bia chùa Linh Xứng, Thái úy Lý Thường Kiệt là người: “Tuy thân câu tục đế, nhi tâm ngưỡng tam thừa”, một danh tướng sống giữa đời thường, phò vua giúp nước, thế mà lòng không quên hướng về pháp Thinh văn, Duyên giác và Phật thừa; còn trong *Thiên Phúc tự hồng chung minh văn* lại ghi: “Giáo pháp Phật, theo căn tính mà lập, dùng pháp Nhất thừa mà thống quát tất cả”.

Tuy tuy căn cơ lợi钝 khác nhau, tiếp nhận giáo pháp từ bi hỉ xả, hay bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, nhưng cuối cùng cũng chỉ quay về một Phật thừa, Nhất thừa pháp ấy tóm thâu tất cả: “Các Đức Phật ra đời, dùng vô lượng vô số phương tiện, các món nhân duyên, lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, vì pháp ấy đều là một Phật thừa, nên các chúng sinh đó, theo Phật nghe pháp, rốt ráo đều đặn Nhất thiết chủng trí” (phẩm *Phương tiện* thứ hai).

Thứ ba, *Pháp Hoa* còn là bộ kinh nói lên tư tưởng “Khí mật quy bản” (đưa ngọn về gốc).

Chúng sinh thật chẳng khác nào gã cùng tử, bỏ nhà ra đi, rong ruổi suốt năm mươi năm mới lần mò trở về ngôi nhà, ngôi nhà đó là bản tính, là gốc cội; chúng sinh là gã thanh niên ngu ngốc, được ngọc trai trong áo mà vẫn không hay biết, cứ chạy khắp mọi nơi, tìm cầu

cái ăn cái mặc, của báu sẵn nơi mình mà lại cứ đi tìm bên ngoài; chúng sinh là hàng Thanh văn, Duyên giác, chỉ nghe Phật nói khổ tập diệt đạo, vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử là vin lấy, mãi miết tu học, chứng đạt giải thoát Niết Bàn hữu lậu, nghe Phật nói pháp Vô thượng cho hàng Bồ tát lại không có lòng mong cầu, không ưa thích, thật đúng như Tôn giả Mục Kiền Liên bọc bạch với Phật:

“Chúng con ở đầu trong hàng tăng, tuổi đều già lụn, tự cho đã được Niết Bàn không kham nhiệm gì nữa, chẳng còn thảng cầu thêm đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác” (Phẩm *Tín giải* thứ tư).

Điều này cũng được Phật tử thời Lý cảm nhận một cách sâu sắc: “Ái dục chảy tuôn nên bể cả, bụi trần chất chứa thành non cao, bỏ gốc đua theo ngọn, tuần hoàn mãi không ngừng, đến nỗi dễ mất bản tính tự nhiên của mình” (văn bia chùa Hương Nghiêm, núi Càn Ni). Giờ đây, Phật nói kinh *Pháp Hoa*, khiến chúng sinh bỏ ngọn trở về gốc, thấy rõ bản tính chân như của mình, chứng thành Tri kiến Phật.

Đại sự nhân duyên: Khai thị chúng sinh ngộ nhập Phật tri kiến của chư Phật ba đời mười phương đều trọn vẹn trong bộ kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Mạnh Thát. *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. TP Hồ Chí Minh.
2. Lê Mạnh Thát. *Nghiên cứu về Thiền uyển tập anh*, Nxb. TP Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Lang. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn học Hà Nội, 1994.
4. Hà Văn Tấn. *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb. Hội Nhà văn.
5. Viện Văn học. *Thơ văn Lý-Trần*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977.
6. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1, năm 2002.
7. Viện KHXH Việt Nam. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998.
8. *Phật học thường kiến từ vựng*, Đài Trung Lục ba la mật cộng tu hội xướng ấn.
9. Phân Viện Nghiên cứu Phật học. *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1998.
10. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. *Kinh Diệu pháp Liên hoa* (bản dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh), Nxb. Tôn giáo, 2006.